

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ L
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HSST

Ngày: 04/5 /2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ L TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Y Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Vũ Hồng Phong

Ông: A Vê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ L tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ L tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ L tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

A Đ; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1993 tại huyện Đ L, tỉnh Kon Tum; Nơi ĐKKHKT: Thôn L R, xã X, huyện Đ L, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: Thôn B B, xã X, huyện Đ L, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Tà Rẻ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Troác (đã chết) và bà Y Giá (đã chết); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 12 năm 2017 cho đến nay, ngày 04 tháng 5 năm 2018 (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

+ A B; sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L R, xã X, huyện Đ L, tỉnh Kon Tum (Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ A L; sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn M R, xã Đ P, huyện Đ L, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do)

+ Hồ Ng; Tên gọi khác: C; sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn 16/5, thị trấn Đ L, huyện Đ L, tỉnh Kon Tum (Có mặt tại phiên tòa)

- Những người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

+ Nguyễn Thị Kim L; sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn 16/5, thị trấn Đ L, huyện Đ L, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04^h00 ngày 25/12/2017, A Đ sau khi đi uống rượu tại nhà A D, trên đường về khi đi qua khu vực ruộng lúa gần nhà A B (Sinh năm: 1992; HKTT: Thôn L R- xã X- huyện Đ L- tỉnh Kon Tum), A nhìn thấy một đàn bò đang cột ở đây, quan sát xung quanh không thấy có ai nên A Đ nảy sinh ý định lấy trộm bò đem bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân. A Đ tiến lại gần đàn bò rồi tháo sợi dây cột ở cọc gỗ và dắt đi 01 (một) con bò cái (*bốn năm tuổi đã đẻ được hai lứa, màu vàng đen, có 02 sừng ngắn, có dây thừng màu xanh cột ngang mũi*), A Đ dắt con bò vừa lấy trộm được đi tắt qua đường rừng xuyên qua núi (đường dân sinh mà người dân đi làm rẫy) về khu vực thôn Đ S- thị trấn Đ L- huyện Đ L- tỉnh Kon Tum tìm người để bán bò. Đến khoảng 09^h00 cùng ngày, A Đ dắt con bò đến cột ở bãi đất trống gần bờ sông (gần bờ ao của Quán cà phê Bể Lãng, thuộc thôn 16/5 - thị trấn Đ L - huyện Đ L - tỉnh Kon Tum) rồi đi bộ ra đường Hùng Vương của thị trấn Đ L tìm người mua bò. Khi đi tới Cửa hàng mua bán xe máy Minh Loan (thôn 16/5 - thị trấn Đ L- huyện Đ L) A Đ nhìn thấy bà Nguyễn Thị Kim L (chủ cửa hàng) nên dừng lại và hỏi bà L có mua bò hay không?. Do khoảng đầu năm 2017, A T (Sinh năm: 1982 - Là anh trai của A Đ) có mua xe máy của bà L bằng hình thức đổi bò lấy xe nên A Đ đi lại hỏi bà L có mua bò không vì bố A Đ đang ốm nằm bệnh viện cần tiền chi trả phí điều trị nhưng bà L nói không mua và để bà gọi điện hỏi xem có ai mua không thì giới thiệu cho. Sau đó, bà L gọi điện thoại cho ông Hồ Ng (tên gọi khác: C, sinh năm: 1964; HKTT: thôn 16/5 - thị trấn Đ L - huyện Đ L, tỉnh Kon Tum) nói có người bán bò ông có mua không và kể lại câu chuyện của A Đ đã nói trước đó thì ông Ng nói có và chạy xe tới Cửa hàng xe máy Minh Loan. Khi tới nơi ông Ng lấy xe mô tô chở A Đ đến vị trí đang cột bò để xem. Sau khi xem bò xong, ông Ng nói A Đ bán con bò bao nhiêu tiền thì A Đ nói 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nhưng ông Ng chê bò gầy không mua, A Đ nói thế thì 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) ông Ng không chịu và trả giá con bò là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì A Đ đồng ý. Sau đó, ông Ng nói A Đ dắt bò đi tắt theo đường bê tông ở phía sau UBND thị trấn Đ L đi ra chợ thị trấn Đ L để về nhà ông Ng rồi ông Ng đưa cho A Đ 2.000.000 đồng tiền bán bò và cho thêm 50.000 đồng để ăn phở. Khi lấy được tiền bán bò, A Đ quay lại chợ thị trấn Đ L mua đồ dùng cá nhân, ăn uống và mua một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TKMOBILE, màu đỏ đen (ở tiệm Điện máy Quang Hà, thôn 14B- xã Đ P- huyện Đ L) với số tiền là 350.000 đồng, số tiền còn lại A Đ rủ bạn bè ăn nhậu. Đến ngày 30/12/2017, sau khi tiêu xài hết số tiền bán con bò đã trộm cắp của A B thì A Đ quay về nhà ở xã X- huyện Đ L- tỉnh Kon Tum thì bị Cơ quan chức năng phát hiện bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 04/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ L kết luận: xác định giá trị con bò cái tại

thời điểm định giá tháng 12/2017, tổng giá trị tài sản thiệt hại được xác định là 13.167.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Bản cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ L truy tố bị cáo A Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo A Đ về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên, thực hiện nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, BLHS số: 100/2015/QH13 của Quốc Hội nước CHXHCNVN xét thấy hình phạt của khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 và khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 có khung hình phạt tương ứng nên Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ L đề nghị Tòa án nhân dân Huyện Đ L áp dụng khoản 1, Điều 173 BLHS năm 2015 để xét xử đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án:

01 (một) con bò cái, bốn năm tuổi đã đẻ được hai lứa, màu vàng đen, có 02 sừng ngắn, có dây thừng màu xanh cột ngang mũi đã được Cơ quan điều tra xử lý tại giai đoạn điều tra: Trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu TKMOBILE, màu đỏ đen, số IMEI1: 359084040404437, số IMEI2: 359084040404445. Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu về việc bồi thường nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Người bị hại A B trình bày: nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nêu việc gia đình tôi bị A Đ trộm cắp 01 con bò cái, bốn năm tuổi đã đẻ được hai lứa, màu vàng đen, có 02 sừng ngắn, có dây thừng màu xanh cột ngang mũi là đúng, tôi không có tranh luận gì với bản luận tội bị cáo A Đ mà Viện kiểm sát vừa công bố. Tôi đã nhận lại tài sản bị mất nên tôi không có yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ng (Tên gọi khác: Ch) trình bày: Sau khi nghe bà Nguyễn Thị Kim L gọi điện giới thiệu để mua bò của A Đ và nghe bà L kể lại sự việc bố ruột của A Đ đang nằm viện cần tiền chữa trị nên mới bán bò, khi gặp A Đ, tôi cũng hỏi A Đ là bò của ai, A Đ nói lại với tôi đúng như lời bà L đã nói với tôi trước đó, tôi hoàn toàn tin tưởng và nghĩ đây là bò của nhà A Đ nên mới mua. Tại phiên tòa hôm nay, tôi không yêu cầu bị cáo A Đ phải hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng từ việc thỏa thuận mua bán bò.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về áp dụng pháp luật: Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công văn số: 04/TANDTC - PC ngày 09/01/2018 về thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 thì hành vi phạm tội của bị cáo A Đ thực hiện trước 00 giờ ngày 01/01/2018 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 có mức hình phạt tương đương nên luật áp dụng để xử phạt bị cáo A Đ là Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009.

Về tội danh: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Xuất phát từ lợi ích cá nhân, chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài, nên khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 25/12/2017 bị cáo A Đ đã lợi dụng sơ hở trong tập quán chăn thả gia súc của bà con tại địa phương thường cột bò tại một vị trí để cho bò ăn mà không có người trông coi, nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 con bò cái, bốn năm tuổi đã đẻ được hai lứa, màu vàng đen, có 02 sừng ngắn, có dây thừng màu xanh cột ngang mũi của A B rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị phát hiện bắt giữ. Tổng giá trị tài sản bị cáo A Đ chiếm đoạt là 13.167.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Hành vi của bị cáo A Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, tương ứng với khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh, xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy, cần phải tuyên một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; thời gian phạt tù phải đủ giáo dục riêng đối với bị cáo và có tác dụng giáo dục chung đối với những người có ý thức coi thường pháp luật; cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của cộng đồng một thời gian.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, hậu quả xảy ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và

tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tương ứng với các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo A Đ không bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Về vật chứng của vụ án:

01 (một) con bò cái, bốn năm tuổi đã đẻ được hai lứa, màu vàng đen, có 02 sừng ngắn, có dây thừng màu xanh cột ngang mũi đã được Cơ quan điều tra xử lý tại giai đoạn điều tra: Trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu TKMOBILE, màu đỏ đen, số IMEI1: 359084040404437, số IMEI2: 359084040404445 là tài sản mà bị cáo dùng số tiền bán bò trộm cắp được để mua nên đây là tài sản do phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Ng (Tên gọi khác: Ch) không yêu cầu bị cáo A Đ phải hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng từ việc thỏa thuận mua bán 01(một) con bò cái, bốn năm tuổi đã đẻ được hai lứa, màu vàng đen, có 02 sừng ngắn, có dây thừng màu xanh cột ngang mũi. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Hồ Ng(Tên gọi khác: Ch) do không biết con bò mà bị cáo A Đ đi bán là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ L không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Hồ Ng là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo A Đ phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo A Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 (khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015).

Xử phạt bị cáo A Đ 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 30 tháng 12 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu TKMOBILE, màu đỏ đen, số IMEI1: 359084040404437, số IMEI2: 359084040404445 như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ L được ban hành kèm theo Quyết định chuyển vật chứng số: 02/QĐ-VKS ngày 23/3/2018 của VKSND huyện Đ L.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Buộc bị cáo A Đ phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND Tối cao
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đ L;
- VKSND tỉnh Kon Tum
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đ L;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ L
- Chi cục THA DS huyện Đ L
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Y Trình

